TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26-4-2024
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Việt Xô.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Lên.

Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Trúc Linh là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2024/TLST -HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 về "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Kim Đ, sinh năm 2000 (yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Vũ L, sinh năm 2000 (yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Ông B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án chị Trần Kim Đ trình bày: Chị và anh Bùi Vũ L tự nguyện chung sống cùng nhau vào năm 2018, không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do có sự bất đồng quan điểm, lối sống, tính tình không hòa hợp nhau. Do không thể tiếp tục sống chung được nên chị yêu cầu ly hôn với anh L.

Thời gian chung sống, chị và anh L có 01 con chung tên Bùi Thanh N, sinh ngày 25/6/2018, hiện do anh L đang trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, chị giao con cho anh L nuôi, không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Bùi Vũ L trình bày: Anh và chị Đ chung sống cùng nhau và không đăng ký kết hôn như chị Đ trình bày. Thời gian chung sống vợ chồng có bất đồng quan điểm, lối sống. Chị Đ yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Vợ chồng có 01 con chung, anh đang trực tiếp nuôi như chị Đ trình bày, anh yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn cư trú tại huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Trần Kim Đ và anh Bùi Vũ L có yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ và anh L.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh L được xác lập vào năm 2018, nhưng chưa đăng ký kết hôn là chưa đảm bảo về trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập, căn cứ Điều 53 và khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị Đ và anh L là vợ chồng.

[4] Về con chung: Chị Đ và anh L có 01 con chung, sau khi ly hôn chị Đ thống nhất giao con cho anh L nuôi theo yêu cầu của anh L và thực tế anh L đang trực tiếp nuôi con. Như vậy, các đương sự đã thỏa thuận được việc nuôi con và sự thỏa thuận của các đương sự không trái với quy định của pháp luật, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận giao Bùi Thanh N cho anh L nuôi là đúng theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng cho con, anh L không yêu cầu, nên không giải quyết.

Chị Đ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Chị Đ và anh L không yêu cầu, nên không giải quyết. Trường hợp sau này các đương sự có yêu cầu giải quyết sẽ yêu cầu bằng vụ kiện khác.

[6] Về nợ chung: Chị Đ và anh L không yêu cầu, nên không giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Đ chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trần Kim Đ và anh Bùi Vũ L là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh L1 nuôi con chung tên Bùi Thanh N, sinh ngày 25/6/2018, hiện đang ở cùng anh L1. Về cấp dưỡng cho con anh L1 không yêu cầu, nên không giải quyết.

Chị Đ có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của anh L1.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Kim Đ phải chịu 300.000 đồng, chị Đ đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004862 ngày 16/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được khấu trừ.

Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần văn Thời;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Việt Xô